



Sự kết hợp giữa di sản văn hóa và công nghệ số cho thấy những cách tiếp cận mới trong phát triển du lịch. Ảnh: ST.

Chuyển đổi số bảo tàng và di sản: ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH THÔNG MINH

“

Từ số hóa hiện vật, xây dựng bảo tàng trực tuyến đến bản đồ số di sản, nhiều địa phương và bảo tàng tại Việt Nam đã bắt đầu hành trình chuyển đổi. Tuy nhiên, quá trình này vẫn đối mặt với không ít thách thức và khó khăn.

”

Chuyển đổi số - xu thế tất yếu trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản

Đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, đặc biệt là trong công tác bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ là một xu hướng được quan tâm mà còn đang được coi là một giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VHTT&DL) đã xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với việc triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, cũng như các nghị quyết, chương trình quốc gia về chuyển đổi số. Với đặc thù của ngành, đối tượng tác động trực tiếp là di sản vật thể, phi vật thể, bảo tàng, di tích, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn và các sản phẩm du lịch

gắn với văn hóa, v.v. Việc đưa công nghệ số vào hoạt động không chỉ giúp nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng trong và ngoài nước.

Trong thời gian qua, Bộ VH, TT & DL đã chỉ đạo nhiều cơ quan, đơn vị triển khai các ứng dụng công nghệ mới như số hóa hiện vật bảo tàng, xây dựng cơ sở dữ liệu di sản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong tham quan, trải nghiệm. Đây là những bước đi quan trọng, đặt nền tảng cho hệ sinh thái văn hóa - du lịch số tại Việt Nam.

Số hóa bảo tàng và hiện vật - bước khởi đầu cho không gian trưng bày số

Một trong những trọng tâm của chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa là hoạt động số hóa bảo tàng. Nhiều bảo tàng quốc gia và địa phương đã từng bước áp dụng công nghệ để tạo ra các phiên bản số của hiện

vật, trưng bày trực tuyến và thuyết minh tự động đa ngôn ngữ. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ hiện vật gốc trước các tác động của môi trường, mà còn mở ra khả năng đưa di sản đến gần hơn với công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ vốn quen thuộc với môi trường số.

Chẳng hạn, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia đã triển khai dự án trưng bày 3D một số hiện vật tiêu biểu, giúp khách tham quan có thể xoay, phóng to, quan sát chi tiết trên nền tảng trực tuyến. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam cũng xây dựng ứng dụng thuyết minh đa phương tiện, tích hợp trên điện thoại thông minh, cho phép khách tham quan dễ dàng tiếp cận thông tin về tác phẩm. Tại nhiều địa phương, các bảo tàng tỉnh đã bước đầu số hóa hiện vật và liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu chung, nhằm chuẩn hóa và chia sẻ nguồn tư liệu.



Khách tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam sử dụng ứng dụng thuyết minh đa phương tiện iMuseum VFA. Ảnh: ST.



Công chúng tham quan bảo tàng trực tuyến (Tourday online) với chủ đề: “Theo dòng lịch sử: Văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần” tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Ảnh: ST.

Song song với số hóa hiện vật bảo tàng, Bộ VH,TT&DL đang triển khai xây dựng một dự án có ý nghĩa chiến lược: Xây dựng bản đồ số di sản văn hóa Việt Nam. Đây là một nền tảng tích hợp dữ liệu không gian địa lý với thông tin về các loại hình di sản trên toàn quốc, từ di tích lịch sử, kiến trúc, danh lam thắng cảnh đến các loại hình di sản văn hóa phi vật thể như lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian, tri thức truyền thống.

Bản đồ số di sản có thể được xem như một công cụ vừa phục vụ quản lý, vừa hỗ trợ công chúng và khách du lịch tiếp cận thông tin. Nếu được triển khai đồng bộ, hệ thống này không chỉ tạo thuận lợi cho quản lý dữ liệu mà còn mở ra cơ hội khai thác giá trị kinh tế - xã hội từ di sản.

Thực tế cho thấy, nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng bản đồ số di sản để quảng bá hình ảnh văn hóa và thúc đẩy du lịch. Với kho tàng di sản phong

phú, Việt Nam có nhiều điều kiện để xây dựng và khai thác bản đồ số di sản, đồng thời nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo tồn. Đây cũng là nền tảng quan trọng để phát triển các sản phẩm du lịch thông minh, gắn kết văn hóa với công nghệ.

Bên cạnh đó, các địa phương như: TP Huế, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Khánh Hòa đã đi đầu trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ phục vụ du khách. Thành phố Huế xây dựng ứng dụng “Hue-S” tích hợp nhiều tiện ích như đặt vé tham quan di tích, tra cứu thông tin di sản, chỉ đường, phản ánh hiện trường. Đà Nẵng phát triển hệ thống thành phố thông minh với nền tảng dữ liệu du lịch, giúp khách dễ dàng tiếp cận thông tin về khách sạn, nhà hàng, sự kiện, đồng thời kết nối với các dịch vụ công trực tuyến. Ở Khánh Hòa, việc số hóa các điểm đến nổi bật như Tháp Bà Ponagar hay danh thắng Hòn Chồng không chỉ hỗ trợ công tác quản lý mà còn góp phần nâng cao trải nghiệm tham quan.

Sự kết hợp giữa di sản văn hóa và công nghệ số cho thấy những cách tiếp cận mới trong phát triển du lịch. Các mô hình thí điểm cho phép du khách trải nghiệm di sản thông qua công nghệ thực tế ảo, thực tế tăng cường hoặc nền tảng trực tuyến, qua đó mở rộng phạm vi tiếp cận và hình thành thêm nguồn thu bổ sung cho điểm đến.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý và quảng bá di sản

Một trong những xu hướng quan trọng của chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa - du lịch là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để nâng cao hiệu quả quản lý, quảng bá và tương tác với công chúng. AI có thể được sử dụng để xây dựng hệ thống gợi ý hành trình tham quan cá nhân hóa, dựa trên sở thích và thói quen của từng khách du lịch. Dữ liệu lớn giúp các cơ quan quản lý phân tích xu hướng, dự báo lượng khách, từ đó điều chỉnh chính sách phát triển phù hợp.

Một số bảo tàng ở Việt Nam đã thử nghiệm ứng dụng chatbot AI để trả lời câu hỏi của khách tham quan, hỗ trợ thuyết minh tự động bằng nhiều ngôn ngữ. Trong khi đó, các nền tảng quảng bá du lịch quốc gia đang từng bước ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu để tối ưu hóa nội dung truyền thông, hướng đến đúng đối tượng khách hàng tiềm năng. Đây là những bước đi cho thấy sự chuyển biến rõ rệt trong tư duy và cách thức triển khai các hoạt động của ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

Cùng với đó là việc một số tập đoàn viễn thông lớn trong nước đã hỗ trợ xây dựng hệ thống thuyết minh tự động bằng mã QR, cung cấp hạ tầng điện toán đám mây để lưu trữ và chia sẻ dữ liệu di sản. Các công ty khởi nghiệp công nghệ cũng tham gia phát triển sản phẩm du lịch số, như bản đồ du lịch ảo, ứng dụng đặt vé thông minh, nền tảng thực tế ảo cho tham quan trực tuyến. Hợp tác công - tư trong lĩnh vực văn hóa - du lịch số có thể góp phần hình thành hệ sinh thái số. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò định hướng chính sách, còn doanh nghiệp tham gia bằng giải pháp công nghệ và nguồn lực.

Những mô hình điển hình trong triển khai chuyển đổi số

Trong số các địa phương đi đầu, TP Huế đã thử nghiệm mô hình “thành phố di sản thông minh” với việc số hóa hơn 150 công trình, di tích thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế. Ứng dụng di động ‘Hue-S’ cho phép cung cấp thông tin, đồng thời tiếp nhận phản ánh hiện trường.

Đà Nẵng đã ứng dụng công nghệ thực tế ảo trong quảng bá di tích và danh thắng, như Ngũ Hành Sơn hoặc Bảo tàng Điêu khắc Chăm. Sự linh hoạt và sáng tạo này không chỉ gia tăng lượng khách mà còn xây dựng thương hiệu “thành phố du lịch thông minh” cho Đà Nẵng.

Tại Khánh Hòa, việc số hóa Tháp Bà Ponagar và một số danh thắng khác bước đầu phục vụ quảng bá trực tuyến và quản lý du lịch. Bên cạnh đó, tỉnh còn triển khai hệ thống bán vé điện tử và thuyết minh tự động, mang lại sự thuận tiện cho du khách.

Tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, việc số hóa hàng nghìn hiện vật và triển khai các trưng bày trực tuyến đã tạo điều kiện cho công chúng tiếp cận kho tàng lịch sử mà không cần trực tiếp đến Bảo tàng. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam cũng phát triển ứng dụng thuyết minh trên điện thoại thông minh, cung cấp nội dung bằng nhiều ngôn ngữ, qua đó tăng cường khả năng tiếp cận cho khách quốc tế.

*
* *

Trong dài hạn, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa và du lịch có thể trở thành một trụ cột quan trọng của tiến trình phát triển kinh tế số và xã hội số ở Việt Nam. Nếu được triển khai đồng bộ, hệ sinh thái văn hóa - du lịch số không chỉ nâng cao năng lực quản lý và quảng bá, mà còn mở ra cơ hội khai thác giá trị kinh tế - xã hội từ di sản. Đồng thời, việc số hóa còn tạo thêm nguồn thu từ các dịch vụ trực tuyến, khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn và mở rộng phương thức giáo dục gắn với di sản. Về lâu dài, đây là cơ sở để Việt Nam vừa hội nhập quốc tế sâu rộng, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Bích Việt